

# Việt Nam trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)

## **Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (3-5-1916)**

Sau phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, một số sĩ phu yêu nước ở các tỉnh Nam Trung Kỳ chưa bị bắt vẫn nuôi chí căm thù, chờ cơ hội. Họ tập hợp xung quanh Thái Phiên một yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội trước đây và Trần Cao Vân một nhà yêu nước đã từng bị Pháp bắt năm 1907-1908.

Nhân khi thực dân Pháp thực hiện chiến dịch bắt lính ráo riết, các nhà lãnh đạo phong trào đã đi đến nhất trí tiến hành một cuộc khởi nghĩa dưới danh nghĩa vua Duy Tân, lấy Huế làm địa bàn nổi dậy đầu tiên. Lực lượng khởi nghĩa là những binh lính người Việt, phần lớn là những lính tập, sắp bị đưa sang chiến trường Châu Âu.

Hàng ngàn người ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã tham gia khởi nghĩa. Họ lập xưởng rèn đúc vũ khí, mua sắm quân nhu, quyên góp tiền chờ ngày nổi dậy. Để gây thanh thế cho cuộc khởi nghĩa, những người lãnh đạo đã giao nhiệm vụ cho Thái Phiên và Trần Cao Vân liên lạc với

vua Duy Tân, mời ông tham gia cuộc bạo động, kế hoạch khởi sự được dự kiến vào tối ngày 3 rạng ngày 4-5-1916. Song việc chuẩn bị của những người lãnh đạo có nhiều sơ hở nên kế hoạch bị bại lộ các trại lính Việt đều bị đóng chặt cửa, khí giới bị tước. Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều yếu nhân khác bị bắt. Giặc Pháp đưa vua Duy Tân đi đày và đưa Khải Định con vua Đồng Khánh lên thay.

Kế hoạch khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân đã bị thất bại, song nó thể hiện tinh thần yêu nước rất cao.

### **- Cuộc khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên (từ 30-8-1917 đến ngày 11-1-1918).**

Thái Nguyên là một tỉnh lớn, có tầm quan trọng về chính trị và quân sự ở miền rừng núi Bắc Kỳ. Đó là nơi hoạt động của nhiều lực lượng chống Pháp nổi tiếng trong những năm thực dân Pháp xâm lược và bình định vùng đất này.

Để bảo vệ Thái Nguyên, thực dân Pháp đặt ở đây một lực lượng quân đội lớn, gồm cả lính Pháp và lính khố xanh Việt Nam, nhằm bảo vệ tính và canh giữ một trại giam có chừng 200 tù nhân là các chiến sĩ đã từng tham gia vào phong trào Đông Du, Đông kinh nghĩa thực, chống thuế,

vụ đầu độc ở Hà Nội, khởi nghĩa Yên Thế, v.v., tất cả đặt dưới quyền của tên công sứ Đác-lơ (Darles) tàn ác.

Sẵn có mối thù đối với bọn thực dân đế quốc, những tù nhân đang bị giam giữ ở Thái Nguyên và binh lính người Việt đang đóng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên và các đồn lân cận đã liên kết với nhau sự lãnh đạo của Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn.

Nghĩa quân đã nổi dậy ngày 30-8-1912, giết tên giám binh Nhen và tên phó quản tay sai đặc lực của Pháp, làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên, giương cao lá cờ Nam binh phục quốc. Những người nổi dậy còn phá trại giam, giải phóng 203 tù nhân, thu 168 khẩu súng và sáu vạn viên đạn. 311 nghĩa quân gồm 131 lính khoanh và 180 tù phạm đã tình nguyện đứng d-ưới cờ nghĩa.

Trong đêm, nghĩa quân lần lượt chiếm các cơ quan cai trị của Pháp ở tỉnh, trừ trại lính Tây.

Sáng ra, nghĩa quân treo cờ năm sao đề Nam binh phục quốc ngoài thành rồi dùng loa công bố "Thái Nguyên độc lập", quốc hiệu Đại Hùng và truyền sao bản Tuyên ngôn độc lập với lời lẽ vô vùng thống thiết.

Sau khi làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên, những người lãnh đạo khởi nghĩa mới bàn kế hoạch hành động tiếp theo. Nhiều phương án được đề ra. Qua một hội bàn cãi, Đội Cận quyết định cố thủ Thái Nguyên để chờ ngoại viện.

Nhân dân nội, ngoại thị, công nhân mỏ than Phấn Mễ và nông dân các huyện xung quanh gia nhập đội nghĩa binh ngày càng đông.

Thực dân Pháp huy động 2.000 quân có pháo binh và tàu chiến yểm trợ, dưới sự chỉ huy của viên thiếu tướng, phó tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương và chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Kỳ, tìm mọi cách để dập tắt cuộc khởi nghĩa.

Kịch chiến đã diễn ra suốt bốn ngày đêm tại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Sau đó, lực lượng nghĩa binh yếu dần, phải rút khỏi tỉnh lỵ, dựa vào vùng núi và sự giúp đỡ của nhân dân cầm cự với giặc. Các toán quân khởi nghĩa đã phải bôn tẩu nhiều nơi từ Thái Nguyên sang Tam Đảo, Vĩnh Yên, tản ra cả vùng Xuân Lai, Phú Xuyên, Hà Đông, xuống Phút Yên rồi có kế hoạch quay về Yên Thế.

Cho đến tháng 1-1918, sau sáu tháng chiến đấu rất anh dũng, tiêu diệt hàng trăm tên địch, cuộc khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái

Nguyên đã thất bại. Đây là cuộc bạo động duy nhất trong thời gian chiến tranh đã thành công trong việc lật đổ chính quyền thực dân ở một thị trấn, được sự tham gia của nhiều thành phần dân chúng. Đó là do cuộc khởi nghĩa, trong chừng mực nhất định, đã đáp ứng được nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng lao động và nhất là của những người đang là nạn nhân của bọn quan cai trị thực dân tàn bạo. Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cũng như những nghĩa quân nòng cốt tỏ ra có lòng tin vững chắc vào hành động chính nghĩa của mình và biết gắn hành động của mình vào cuộc vận động cách mạng có xu hướng chính trị tương đối tiến bộ của Việt Nam Quang phục hội.

Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn bị thất bại do những lý do khách quan và chủ quan, thể hiện sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng ở nước ta lúc đó. Dù sao, hành động của binh lính và tù chính trị Thái Nguyên đã gây được tiếng vang lớn, làm xôn xao dư luận ở Pháp và Đông Dương những năm 1917-1918 và cổ vũ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta những năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Những cuộc bạo động chống Pháp của đồng bào dân tộc ít người  
Sự cướp bóc tàn bạo và dã man của thực dân Pháp trong thời kỳ chiến tranh không những gây nên sự bất bình của nhân dân miền xuôi mà còn

gây nên những phản ứng của cả nhân dân các dân tộc miền núi Việt Nam.

Tháng 10-1914, người Dao ở Lục An Châu và ở Bảo Hà nổi dậy. Họ tấn công đồn binh nhằm cướp bóc ách nô lệ.

Tháng 11-1914, người Thái ở Tây Bắc do Bạc Cầm Châu, Lương Bảo Định, Cầm Văn Tứ, Lương Văn Nó... lãnh đạo đã đột nhập vào các đồn Pháp ở Sơn La (Tây Bắc), Sầm Na và Phong Xa LÍ (Lào) giết đồn binh Pháp, cướp súng rồi rút về hoạt động ở vùng sông Mã.

Cũng trong năm 1914, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã đứng lên tấn công đồn binh Pháp. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nơ Trang Long đã diệt 40 tên Pháp ở Đắc Lắc, nhổ đồn Bumê, giết tên Phó sứ tỉnh Crachê (Campuchia) là TruPhô (1-1915).

Tại Lai Châu, Sơn La, người Mèo dưới sự lãnh đạo của Giàng Tả Chay (còn được gọi là Pachay hay Bát Chai) nổi dậy từ tháng 8-1918. Nghĩa quân hoạt động trên vùng biên giới Lào - Việt. Nhiều trận đánh đã diễn ra vào tháng 1-1918 và tháng 1-1919 tại Điện Biên (Việt Nam) và Sầm Na (Lào).

Phong trào hội kín ở Nam Bộ Sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, thực dân Pháp sử dụng chính sách trực trị để khủng bố nhân dân ta. Mọi biểu hiện yêu nước đều bị đàn áp. Phong trào phải núp dưới các hình thức tôn giáo để tồn tại.

Năm 1863, xuất hiện giáo phái có xu hướng yêu nước lấy tên là đạo Lành. Nông dân tham gia khá đông. Tháng 5- 1873, thống đốc Nam Kỳ ra lệnh bắt bớ, đạo Lành tạm thời rút lui, một thời gian sau đổi tên là đạo Phật đường. Năm 1885, những người cầm đầu đạo Phật đường đã tru liệu một cuộc bạo động vũ trang chống Pháp nhưng không thực hiện được bị Pháp khủng bố, phong trào lắng đi một thời gian.

Những hội kín ở Nam Kỳ mang màu sắc tôn giáo, nhưng tôn giáo chỉ là phương tiện để tập hợp, cố kết lại với nhau, mục đích chung vẫn là đấu tranh chống bọn đế quốc cướp nước và bọn phong kiến tay sai bán nước.

Trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào hội kín ở Nam Bộ gồm nhiều tổ chức như: Thiên địa hội, Nghĩa hoà hội, Duy tân hội, Phục hưng hội, Ái quốc hội, v.v..

Nghĩa quân của các hội này có chừng vài trăm người được vũ trang bằng gậy gộc, giáo mác đã tiến hành đánh phá các trụ sở mộ lính, phá nhà giam, bắt giết bọn quan lại tay sai gian ác.

Nơi có phong trào hội kín phát triển mạnh là Biên Hoà, Gia Định, Mỹ Tho, Bạc Liêu, Rạch Giá, Bến Tre, Châu Đốc.

Vào đêm 16-2-1916, gần 300 hội viên các hội kín ở Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hoà mặc áo đen, quần trắng, cổ quấn khăn trắng mang dao, giáo và kiếm, đi đầu là ng-ười vác lá cờ lớn mang dấu hiệu hội đảng Phan Xích Long tập hợp ở cầu Ông Lãnh rồi chia làm ba ngả tiến vào thành phố Sài Gòn. Mục tiêu của họ là phá khám lớn, giải phóng Phan Xích Long đang bị giam và các tù nhân khác, chiếm các công sở và đưa Phan Xích Long lên làm vua. Do có phòng bị từ trước, quân Pháp đã kịp thời đối phó. Chúng xả đạn vào đám người chỉ có giáo mác và búa chủ. Cuộc đấu tranh nhanh chóng tan vỡ, một số nghĩa quân bị chết, bị thương và nhiều người bị bắt.

Phong trào hội kín Nam Kỳ là một trong những phong trào nông dân rộng lớn nhất ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, nổ ra khi những sĩ phu yêu nước có xu hướng tư sản đã đuối sức trước yêu cầu lịch sử, không theo kịp phong trào quần chúng, còn giai cấp tư sản dân tộc mới chỉ đang hình thành.